Kính gửi:

Tổng cục Thuế nhận được công văn của Văn phòng Chính phủ chuyển đến Tổng cục Thuế đề nghị trả lời yêu cầu của Thủ tướng về việc xác định cho phép lãi vay được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 ("Nghị định số 20").

Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Điều 2 Nghị định số 20 quy định đối tượng áp dụng Nghị định:

  "1. Tổ chức sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ (sau đây gọi chung là người nộp thuế) là đối tượng nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương pháp kế khai và có phát sinh giao dịch với các bên có quan hệ liên kết theo quy định tại Điều 5 Nghị định này."

  - Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20 quy định về chi phí lãi vay của người nộp thuế (NNT) phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp TNDN:

    "3. Tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của người nộp thuế được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh công với chi phí lãi vay, chỉ khi chịu hao trong kỳ của người nộp thuế.

    Quy định này không áp dụng đối với người nộp thuế là đối tượng áp dụng của Luật các tổ chức tín dụng và Luật kinh doanh bảo hiểm."

Căn cứ các quy định trên, tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ của NNT được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp TNDN theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20 được tính trên tổng chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ, không phân biệt chi phí lãi vay phát sinh từ giao dịch vay vốn với bên liên kết hay bên độc lập.

Hiện tại, Tổng cục Thuế đang trong quá trình tiếp nhận, tổng hợp y trẻ macro, kiến nghị của NNT liên quan đến việc thực hiện Nghị định số 20 nói chung và quy định tại Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20 nói riêng để báo cáo Bộ Tài chính trình...
Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện. Trong thời gian báo cáo, đề nghị Quỹ Doanh nghiệp thực hiện xác định chi phí lãi vay được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN theo đúng quy định hiện hành.

Tổng cục Thuế trả lời đề Quỹ Doanh nghiệp biết và thực hiện.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Phó TCT Trồng Ngọc Minh (để báo cáo);
- VCCY (để tổng hợp);
- Lưu: VT, DNL (02b).

TL. TỔNG CƯC TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ QLT DOANH NGHIỆP LỚN

Nguyễn Văn Phụng
BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN
Số: 118/TCHQ-TXNK
V/v kiến nghị của Chi nhánh Công ty TNHH Tân Nhật Minh

Kính gửi:
- Chi nhánh Công ty TNHH Tân Nhật Minh – TP. HCM;
  (1945 Đường Thời Tâm, thôn 6, ấp Đông 1, huyện Hóc Môn, TP. HCM)
- Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh.

Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 11068/VPCP-DMDN ngày 14/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển kiến nghị của Chi nhánh Công ty TNHH Tân Nhật Minh – thành phố Hồ Chí Minh (Công ty) lên quản lý việc áp mã số mặt hàng máy móc thiết bị dùng để gia công của nhóm, của nhũa của Công ty tại Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh và Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh. Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1. Về phân loại hàng hóa:


Trường hợp các mặt hàng nhập khẩu của Công ty là thủ tục tại Chi cục Hải quan Cảng Sài Gòn KV1 – Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh được xác định là máy cắt dứt kim loại hoạt động bằng điện, tháo mảnh chuỗi giá 7 nhôm 84.61 và máy công cụ hoạt động bằng điện, dùng để gia công plastic cung, có bán chốt hàng hóa khác với các loại máy đã mô tả định danh tại nhóm 84.65 thì việc phân loại hàng hóa, điều chỉnh mã số của Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh đối với các mặt hàng của Công ty là đúng quy định.

2. Về việc thực hiện kiểm tra sau thông quan:

Căn cứ quy định tại Điều 77, 78, 80 Luật Hải quan số 54/2014/QH13, việc Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh tổ chức kiểm tra sau thông quan các lô hàng của Công ty trong thời hạn 5 năm kể từ ngày đăng ký tờ khai là đúng quy định tại các văn bản trên.

3. Về việc nộp bộ sung C/O:

4. Về việc khai báo của Công ty đối với các mặt hàng nếu tại văn bản kiến nghị:

- Trong giai đoạn 2013-2014, Công ty đã khai báo các loại máy gia công tương tự vào các mã số thuộc nhóm 84.61 (TS MFN 5%) và 84.65 (TS MFN 3%) khi làm thủ tục nhập khẩu tại Chi cục Hải quan CK Mông Cái (Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh).

- Trong giai đoạn 5/2/2015 đến 30/7/2018 (thời kỳ kiểm tra của đoàn Kiểm tra sao thông quan, Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh), Công ty (Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh) khai báo chung các mặt hàng này vào nhóm 84.79 (TS MFN 0%) khi làm thủ tục nhập khẩu tại Chi cục HQ Cảng SG KVI (Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh).

- Kiểm tra cơ sở dữ liệu hải quan, từ 05/11/2018, Công ty đã khai báo vào nhóm 84.61 đối với máy gia công kim loại và nhóm 84.65 đối với máy gia công nhựa, không khai vào nhóm 84.79.

Nên vậy, Công ty đã khai báo mã số hàng hóa không thống nhất đối với cùng loại hàng hóa trong giai đoạn từ 2013 đến tháng 11/2018.

5. Về việc xác định trách nhiệm của Chỉ cục HQ Cảng SG KVI khi chấp nhận mã số khai báo 8479.81.10 (MFN 0%) đối với các tờ khai nhập khẩu giai đoạn 5/2/2015 đến 30/7/2018 của Công ty, Tổng cục Hải quan đã có văn bản yêu cầu Cục Hải quan TP. Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra, xác minh và sẽ có văn bản trả lời Công ty trong thời gian sớm nhất.

Tổng cục Hải quan có ý kiến đề Chi nhánh Công ty TNHH Tân Nhất Minh – thành phố Hồ Chí Minh, Cục Hải quan tỉnh Quảng Ninh biết và thực hiện.

Nơi nhận: /\n- Như trên;
- Thủ trưởng Vũ Thị Mai (để báo cáo);   
- VPCP (để công khai trên Công TTĐT CP);  
- VCCI (để theo dõi);  
- Vụ CST, Vụ PC-Bộ Tài Chính (để biết);  

KT, TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

[Signature]

Nhận: Dương Thái
Tổng cục Hải quan nhận được công văn số 12462/VPCP-DMDN ngày 24/12/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển công văn số 7/CV-CLBCDQH ngày 04/12/2018 của Câu lạc bộ Cựu đại biểu Quốc hội về việc áp mã HS chửa đầy đủ của các loại sản phẩm gây khó khăn cho doanh nghiệp trong nộp thuế hải quan với hàng nhập khẩu và đề nghị nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp. Về việc này, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được xây dựng trên cơ sở tuân thủ hoàn toàn mã số và mô tả hàng hóa của Danh mục hàng hóa nước ngoài mà hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới (gọi tắt là Danh mục HS) và Danh mục hàng hóa thuế quan ASEAN (gọi tắt là Danh mục AHTN). Các Danh mục này ra đời trên cơ sở sự đồng thuận của các nước thành viên với mục đích tạo thuận lợi thương mại và quản lý, kiểm soát hàng hóa. Do đó, không phải tất cả các mặt hàng đều được định danh cụ thể, chỉ những mặt hàng cần kiểm soát hoặc mặt hàng có kim ngạch thương mại cao mới được định danh trong các Danh mục này. Trên thực tế, hàng hóa này cũng có tính chất phức tạp, tích hợp nhiều thành phần, nhiều công dụng, dễ lẫn cho sự phân mánh mẻ của công nghệ.

Đính kỹ năm năm một lần, Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) và các nước ASEAN sẽ tiến hành sửa đổi Danh mục để cập nhật các dòng hàng mới phù hợp với xu hướng phát triển của thương mại hàng hóa, công nghệ hoặc để xử lý các vướng mắc về phân loại. La một nước thành viên của WCO và ASEAN, Việt Nam phải đảm bảo tuân thủ các Danh mục HS và Danh mục AHTN trong thương mại quốc tế.

Trong quá trình thực hiện áp mã HS theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, một số khó khăn về mặt phát sinh như: cũng một mặt hàng nhưng doanh nghiệp khác các mã HS khác nhau tại các Chi cục Hải quan khác nhau trong khi cơ sở dữ liệu của ngành Hải quan chưa được đồng bộ để kiểm soát được tất cả các trường hợp này; hoạt động phản tích của cơ quan Hải quan chưa thực hiện được mọi mặt hàng; kiến thức về phân loại hàng hóa của doanh nghiệp còn hạn chế; có những mặt hàng dễ lẫn, phức tạp phải lấy y kiến...
của các Bộ quản lý chuyển ngành về bán chất hàng hóa để làm cơ sở phân loại hàng hóa, có trường hợp phải xin ý kiến của WCO mới quyết định được mà só cuối cùng...

Để hạn chế khó khăn, vướng mắc trong việc áp măa HS đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Tổng cục Hải quan đã và đang tích cực đưa các giải pháp sau:

(i) Năng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý tập trung để thu nhẹ xuyên ra soát trên hệ thống và có văn bản chấn chỉnh các trường hợp áp măa só không thống nhất;

(ii) Ban hành các công văn để thông nhất phân loại các mặt hàng khó, phức tạp, các mặt hàng có ý kiến của WCO nhưng còn chưa được sửa trong Danh mục HS (còn chờ sửa theo định kỳ);

(iii) Tập dụng quản lý rủi ro trong việc kiểm tra việc áp măa HS và áp dụng mục thuế;

(iv) Chuẩn hóa măa HS đối với các Danh mục quản lý chuyển ngành;

(v) Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn cho cán bộ hải quan và doanh nghiệp để tuyên truyền, phổ biến kiến thức về phân loại hàng hóa và giải đáp những vướng mắc đối với những mặt hàng phức tạp, dễ lẫn;

(vi) Tổ chức các đoàn kiểm tra, thanh tra để kiểm tra, hỗ trợ các đơn vị hải quan tỉnh, thành phố trong việc thực hiện thống nhất áp măa só đối với các mặt hàng có bán chất giống nhau.

Tổng cục Hải quan xin có ý kiến đề Cầu lạc bộ Cửu đại biểu Quốc hội năm được và kính mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, góp ý của Cầu lạc bộ Cửu đại biểu Quốc hội đối với hoạt động nghiệp vụ hải quan.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để công khai trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ);
- phòng TM và CN Việt Nam;
- TT. Vũ Thị Mai (để báo cáo);
- TCT. N.V. Cân (để báo cáo);
- Văn phòng Bộ Tài chính (để báo cáo);
- Lưu: VI, TXNK (3bü).
Kính gửi: Công ty TNHH HPK Việt Nam

Bộ Tài chính nhận được công văn số 71/VPCP-DMDN ngày 04/01/2019 của Văn phòng Chính phủ về việc chuyển kiến nghị của Công ty TNHH HPK Việt Nam (Công ty) về chính sách ưu đãi thuế trên Công thông tin điện tử của Chính phủ để Bộ Tài chính xem xét, xử lý và trả lời theo thẩm quyền.

Về nội dung kiến nghị của Công ty, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Đề nghị Công ty liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn theo quy định dựa trên hồ sơ, số sách và tình hình thực hiện thuế của Công ty. Trường hợp vẫn còn vướng mắc, đề nghị Công ty nêu rõ vướng mắc cùng quan điểm xử lý của Cục thuế địa phương và gửi về Bộ Tài chính để được hướng dẫn.

Bộ Tài chính trả lời đề Công ty TNHH HPK Việt Nam được biết.

NGUYỄN QUỐC HƯNG

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

[Signature]

[Stamp]
Kính gửi: Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam

Bộ Tài chính nhận được công văn số 10857/VPCP-ĐMDN ngày 08/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc kiến nghị của Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Thiết kế xây dựng Việt Nam, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Khoản 4 Mục I Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 - Thẩm định giá doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 122/2017/TT-BTC ngày 15/12/2017 của Bộ Tài chính Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 (sau đây gọi là Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12) đã có hướng dẫn về xác định tài sản phi hoạt động. Vì vậy, đề nghị Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Thiết kế xây dựng Việt Nam nghiên cứu quy định về tài sản phi hoạt động tại Tiêu chuẩn thẩm định giá Việt Nam số 12 để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Bộ Tài chính trả lời đề Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Thiết kế xây dựng Việt Nam được biết.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để công khai trên Cổng TTXT Chính phủ);
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục TCDN;
- Cục QLGSKTKT;
- Lưu: VT, QLG.(??)

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUAN LÝ GIÁ
PHÒ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Văn Truyện
Kính gửi: Công ty TNHH Đầu tư xây dựng & phát triển đô thị An Bình

Trả lời câu hỏi của doanh nghiệp trên Công thông tin điện tử của Chính phủ (theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 12752/VPCP-DMDN ngày 31/12/2018 về việc kiến nghị của Công ty TNHH ĐTXD&PTĐT An Bình - tỉnh Bắc Ninh); Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Nội dung câu hỏi của Công ty TNHH ĐTXD&PTĐT An Bình - tỉnh Bắc Ninh chưa cung cấp đầy đủ thông tin về góy thu (thời điểm đầu thu, hình thức lựa chọn nhà thu, thời điểm kỳ kết hợp đồng, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng,...); do đó, Bộ Tài chính chưa đủ cơ sở để trả lời cụ thể nội dung trong mã của Quy Công ty.

2. Quy định của pháp luật liên quan thanh toán, quyết toán hợp đồng trọn gói hiện nay như sau:

2.1. Quy định về hợp đồng trọn gói hiện nay như sau:

(1). Tài Điểm a và d khoản 1 Điều 62 Luật Đầu thu quy định về hợp đồng trọn gói như sau:

"(a) Hợp đồng trọn gói là hợp đồng có giá có định trong suốt thời gian thực hiện đòi với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Việc thanh toán đối với hợp đồng trọn gói được thực hiện nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán cho đến khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng bằng từng giai đoạn trong hợp đồng:

..."

"d) Đối với góy thu xây lắp, trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các bên liên quan cần rà soát lại bằng khối lượng công việc theo thiết kế được duyệt; nếu nhà thầu hoặc bên mời thầu phát hiện bằng số lượng, khối lượng công việc chưa chính xác so với thiết kế, bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc điều chỉnh khối lượng công việc để bảo đảm phù hợp với thiết kế;"

(2). Theo Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng:

- Tài điểm a, khoản 3, Điều 6 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP đã quy định "hợp đồng xây dựng có hiệu lực là cơ sở pháp lý cao nhất mà bên giao thương, ben nhận thương và các bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện."
- Tài điểm a khoản 3 Điều 15 quy định: “Giá hợp đồng trọn gói là giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bất khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện.”

- Tài điểm a khoản 5 Điều 15 quy định: “... Khi áp dụng giá hợp đồng trọn gói thì giá gói thu, giá hợp đồng phải tính toàn đứt các yếu tố rủi ro liên quan đến giá hợp đồng như rủi ro về khối lượng, rủi ro trong thời gian thực hiện hợp đồng và môi bên phát tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro của mình.”

2.2. Quy định về thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư số 08/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, thanh toán vốn đầu tư sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước như sau: thanh toán theo tỷ lệ phần trăm giá hợp đồng hoặc giá công trình, hàng mục công trình, khối lượng công việc tương ứng với các giai đoạn thanh toán mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, khi thanh toán không yêu cầu có xác nhận khối lượng hoàn thành chi tiết.

2.3. Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước áp dụng hình thức hợp đồng trọn gói tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước:

Diểm a khoản 1 quy định về nguyên tắc thẩm tra như sau:

“Thẩm tra tính toàn bộ các quy định về hợp đồng xây dựng có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hợp đồng và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư của cấp có thẩm quyền; việc thẩm tra quyết toán cần cuk vào hình thức giá hợp đồng ghi trong từng hợp đồng xây dựng (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà đầu tư). Trưởng hợp cần thiết, cơ quan thẩm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công để xác định khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu đúng quy định.”

Tài điểm b khoản 3 Điều 15 quy định về thẩm tra quyết toán đối với gói thủ hợp đồng theo hình thức giá hợp đồng trọn gói như sau:

“b) Thẩm tra đối với gói thủ hợp đồng theo hình thức ‘hợp đồng trọn gói’:

- Đối chiếu nội dung công việc, khối lượng thực hiện trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Đối chiếu đơn giá trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giá ghi trong bảng tính giá trị hợp đồng; khi nhà thầu thực hiện đối đầu các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng công việc hoàn thành và đơn giá ghi trong hợp đồng, bảng tính giá hợp đồng; thì giá trị quyết toán đúng bảng giá
trọn gói của hợp đồng đầy đủ. Không chỉ tinh lai khối lượng cũng như đơn giá chi tiết đã được cập có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trưng thu.

Tại điểm e khoản 1 Điều 26 quy định trách nhiệm của chủ đầu tư: "Chỉ trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu nghiêm túc đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng."

3. Trường hợp Quy doanh nghiệp có Vương mạc liên quan đến hợp đồng xây dựng, đề nghị Quy doanh nghiệp hội Bộ Xây dựng để được hướng dẫn chi tiết.

Bộ Tài chính trả lời đề Quy doanh nghiệp trên Công Thông tin điện tử Chính phủ biết và thực hiện theo đúng quy định.

Noi nhận: ...)
- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (đề b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- VCCI;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, DT, (MH, 8).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ ĐẦU TƯ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Tuấn Anh
Số: 291/TCT-KK
V/v áp dụng kê khai thuế giá trị gia tăng theo tháng và theo quý.

Kính gửi: Bệnh viện Nhi đồng Thành phố
(Dịa chỉ: 15 Võ Trấn Châu, xã Tân Kiên, huyện Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh)

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 12743/VPCC-DMDN đề ngày 31/12/2018 của Văn phòng Chính phủ chuyển kiến nghị của Bệnh viện Nhi đồng Thành phố (sau đây gọi là Bệnh viện) về việc áp dụng kê khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) theo tháng và theo quý. Về nội dung này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 10 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nguyên tắc tính thuế, khai thuế:

“1. Nguyên tắc tính thuế, khai thuế:

... 

d) Đối với loại thuế khai theo tháng hoặc khai theo quý, kỳ tính thuế đầu tiên được tính từ ngày đầu đầu hoạt động kinh doanh đến ngày cuối cùng của tháng hoặc quý, kỳ tính thuế cuối cùng được tính từ ngày đầu tiên của tháng hoặc quý đến ngày kết thúc hoạt động kinh doanh. Kỳ tính thuế năm của thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế tài nguyên được tính theo năm dương lịch hoặc năm tài chính của người nộp thuế. Kỳ tính thuế năm của các loại thuế khác là năm dương lịch.”

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về nguyên tắc tính thuế, khai thuế:

“2. Khai thuế giá trị gia tăng

a) Khai thuế giá trị gia tăng là loại khai thuế theo tháng trừ các trường hợp hưởng dẫn tại điểm b, c, d khoản này.”

Căn cứ Điều 15 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điểm b Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về khai thuế GTGT theo quý:

“Điều 15. Sửa đổi, bổ sung điểm b, Khoản 2 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC như sau:

“b) Khai thuế giá trị gia tăng theo quý

b.1) Đối tượng khai thuế GTGT theo quý
Khai thuế theo quy áp dụng đối với người nộp thuế giá trị gia tăng có Tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liên kế từ 50 tỷ đồng trở xuống.

Trường hợp người nộp thuế mới bắt đầu hoạt động sản xuất, kinh doanh việc khai thuế giá trị gia tăng được thực hiện theo quy. Sau khi sản xuất kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch tiếp theo sẽ cần cụ thể mức doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ của năm dương lịch trước liên kế (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo tháng hay theo quý.

Ví dụ 21:


Người nộp thuế có trách nhiệm tự xác định đối tượng khai thuế theo tháng hay khai thuế theo quý để thực hiện khai thuế theo quy định.

b.2) Thời kỳ khai thuế theo quý

- Việc thực hiện khai thuế theo quý hay theo tháng được ổn định trong năm dương lịch và ổn định cho kỳ 3 năm. Riêng kỳ ổn định đầu tiên được xác định tính kể từ ngày 01/10/2014 đến hết ngày 31/12/2016.

b.3) Cách xác định doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ năm trước liên kế làm điều kiện xác định đối tượng khai thuế giá trị gia tăng theo quý

- Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được xác định là Tổng doanh thu trên các Tờ khai thuế giá trị gia tăng của các kỳ tính thuế trong năm dương lịch (bao gồm cả doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng và doanh thu không chịu thuế giá trị gia tăng).

- Trường hợp người nộp thuế thực hiện khai thuế tại trụ sở chính cho đơn vị trực thuộc thì doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm cả doanh thu của đơn vị trực thuộc.

Trường hợp Bệnh viện Nhi đồng Thành phố theo thông tin đăng ký thuế trên hệ thống ứng dụng quản lý thuế (TMS) thì ngày đăng ký bắt đầu hoạt động kinh doanh là ngày 01/10/2016. Cần cụ thể nếu trên, kỳ tính thuế đầu tiên Bệnh viện sẽ thực hiện kế khai thuế GTGT theo quý và ổn định cho đến hết năm 2017. Sang năm 2018, cần cụ thể tổng doanh thu trên các Tờ khai thuế giá trị gia tăng của các kỳ tính thuế trong năm 2017 (đủ 12 tháng) nếu trên 50 tỷ đồng thì Bệnh viện Nhi đồng Thành phố thuộc đối tượng kế khai thuế giá trị gia tăng theo
tháng và sẽ thực hiện khai thuế ôn định trọn năm dương lịch theo chu kỳ 3 năm, từ ngày 01/01/2018 đến hết ngày 31/12/2020.

Tổng cục Thuế trả lời để đơn vị biết, thực hiện./.

Noi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Thủ trưởng Trần Xuân Hà (để b/c);
- PTCT Phi Văn Tuân (để b/c);
- VCCf (để tổng hợp);
- Vũ PC – BTC;
- Cục Thuế TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, KK (3b).

TL.TÓNG CỤC TRƯỞNG
KT.VỤ TRƯỞNG VỤ KÊ KHAI VÀ KÊ TOÁN THUẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Thu Mai

BỘ TÀI CHÍNH
Kính gửi: Ông Philippe Jean Broianigo - Tổng Giám đốc tập đoàn Central tại Việt Nam thay mặt và đại diện cho các Công ty Big C tại Việt Nam.

(D/c: Văn phòng Big C Việt Nam, 163 Phan Đăng Lưu, Q.Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh)

Trả lời văn bản số 05092018/CV-EB/A ngày 5/9/2018, văn bản số 03012018/CV ngày 03/01/2018 của Ông Philippe Jean Broianigo – Tổng Giám đốc tập đoàn Central tại Việt Nam thay mặt và đại diện cho các Công ty Big C tại Việt Nam về việc phi sử dụng thương hiệu Big C và hợp đồng li-xăng nhân hiệu thứ cấp theo công văn số 2212/VPCC-BMDN ngày 09/03/2018 của Văn phòng Chính phủ, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC) quy định về khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN thì:

- Tổng cục Thuế đã có công văn số 4527/TCT-TTr ngày 29/9/2016 trả lời Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ siêu thị Big C An Lạc, công văn số 5132/TCT-CS ngày 7/11/2017 trả lời Ông Philippe Jean Broianigo. Đồng thời, các đơn vị thuộc hệ thống siêu thị Big C đã được cơ quan thuế thực hiện thanh tra và căn cứ hồ sơ đơn vị cung cấp tại thời điểm thanh tra, bàn chất hoạt động kinh doanh của đơn vị trong thời kỳ thanh tra, cơ quan thuế đã có quyết định xử lý theo quy định.

- Đối với hợp đồng li-xăng thứ cấp giữa Công ty Cavi Retail Limited (Hồng Kông) và Công ty Big C An Lạc mà công ty cung cấp kèm theo văn bản số 05092018/CV-EB/A nên trên cơ Nguyễn y kiến là hợp đồng chuyên quyền sử dụng nhân hiệu theo pháp luật về sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, qua phân tích của cơ quan thuế và thực tế thanh tra hoạt động kinh doanh thì ngoài việc sử dụng nhân hiệu, còn nhân quyền có được cung cấp về cách thức, bí quyết, cách thức quản lý, vận hành hệ thống siêu thị,..., còn hưởng quyền có quyền giám sát, yêu cầu cũng như hỗ trợ bên nhân quyền trong việc điều hành, kinh doanh hệ thống siêu thị Big C
tại Việt Nam, đây là các yếu tố thể hiện của hoạt động những quyền thương mại theo pháp luật về thương mại. Do đó, đề nghị Công ty Big C An Lạc, các công ty Big C ở Việt Nam và các bên liên quan cần cử tinh hành thực tế để hoàn thiện hồ sơ pháp lý đăng ký hoạt động những quyền thương mại với Bộ Công Thương để được xem xét tính khoản chi phí trả cho Công ty Cavi Retail Limited vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

Tổng cục Thuế trả lời đề Ông Philippe Jean Brojano biét./

Nơi nhận:
- Như trên;
- Vũ Đối mới doanh nghiệp (VPCP);
- Bộ Công Thương;
- Bộ Khoa học & Công nghệ;
- Lãnh đạo Bộ (đề b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục (đề b/c);
- Vũ PC, TTr, KTNB (TCT);
- Cục Thuế TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, CS (2b). L.1

TL. TỔNG CỤC TRƯỞNG
KT. VU TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
PHÓ VU TRƯỞNG

Hoàng Thị Hà Giang

09/
Kính gửi: Công ty TNHH Đàn và Đàn.

(Dịa chỉ: D5 đường Raymondienne, khu dân cư Star Hill, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh)

Trà lời, kiến nghị của Công ty TNHH Đàn và Đàn tại Công thống tin điện tử Chính phủ về việc phân luồng kiểm tra thực tế hàng hóa đối với tờ khai nhập khẩu, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

Cơ quan Hải quan áp dụng quan lý rủi ro trong kiểm tra hải quan theo Khoản 2 Điều 16 và Điều 17 Luật Hải quan 2014. Việc đánh giá rủi ro, phân luồng kiểm tra đối với các lô hàng xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và Điều 8 Thông tư 38/2015/TT-BTC ngày 25/03/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Căn cứ các quy định nêu trên, từ tháng 9/2018 đến 25/12/2018, Công ty TNHH Đàn và Đàn được đánh giá là doanh nghiệp rủi ro do đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính trong thời gian 365 ngày trước đó (số lượng tờ khai vi phạm: 21 tờ khai; hàng vi phạm: hàng sai dân diện thiếu số thuế phải nộp mà bị phạt tiến sao khi hàng hóa đã thông quan). Đồng thời, trong khoảng thời gian trên, cơ quan Hải quan dằng áp dụng biện pháp tăng cường kiểm soát đối với các doanh nghiệp rủi ro, vi vậy, tờ khai nhập khẩu của công ty đăng ký trong thời gian này có tỉ lệ phân luồng độ cao (53,92%).

Tuy vậy, từ ngày 26/12/2018, công ty không còn thuộc diện doanh nghiệp rủi ro do thời gian đánh giá 365 ngày đối với vi phạm nêu trên đã kết thúc. Vì vậy, tỉ lệ phân luồng độ đối với tờ khai nhập khẩu của công ty đã được hệ thống thông điệp điều chỉnh, cụ thể: Từ ngày 26/12/2018 đến 24/01/2019, công ty đăng ký 22 tờ khai, trong đó chỉ có 01 tờ khai phân luồng độ (tỉ lệ 4,54%).

Tổng cục Hải quan thông báo như trên để quý Công ty được biết.

Trân trọng.

K.T. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG

[Signature]

Hoàng Việt Cương
BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hành phước

Số: 485/BTC-DT
V/v sửa đổi Thông tư số
72/2017/TT-BTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2018

Kính gửi: Ban Quản lý dự án sử dụng vốn vay nước ngoài tỉnh Vĩnh Phúc

Trả lời câu hỏi của đơn vị trên Công thông tin điện tử của Chính phủ (theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 932/VPCP-DMDN ngày 31/01/2019 về việc kiến nghị của Ban Quản lý dự án sử dụng vốn vay nước ngoài tỉnh Vĩnh Phúc); Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Sau khi tổng hợp ý kiến tham gia của các bộ, ngành, địa phương gửi đến và cả nhận trên trang Thông tin điện tử Bộ Tài chính, ngày 28/01/2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 06/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/3/2019.

Tại điểm d khoản 15 Điều 1 Thông tư số 06/2019/TT-BTC sửa đổi, bổ sung mẫu số 02/QT-QLDA, theo đó sử dụng các Quỹ được quyết toán tại điểm C Mẫu số 02/QT-QLDA.

Bộ Tài chính trả lời đề Quy đơn vị trên Công thông tin điện tử Chính phủ biết và thực hiện theo đúng quy định./...
Kính gửi: Chi nhánh Công ty TNHH Dược phẩm Đó Thành

(Điểm 465 Nguyễn Trãi, phường Thanh XuânNam, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội).

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 12789/VPCP-DMDN ngày 31/12/2018 của Văn Phòng Chính phủ kèm theo bản sao kiến nghị của Bà Lê Khánh, Chi nhánh Công ty TNHH Dược phẩm Đó Thành – thành phố Hà Nội về chính sách thuế thu nhập doanh nghiệp. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Tài Điều 4 Thông tư số 06/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế TNDN sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính quy định các khoản chi được trừ và không được trừ khi xác định thuế nhập khẩu chịu như sau:

1. Trừ các khoản chi không được trừ nếu tại Khoản 2 Điều này, doanh nghiệp được trừ một khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:
   a) Khoản chi thực tế phát sinh liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
   b) Khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
   c) Khoản chi nếu có hóa đơn mua hàng hóa, dịch vụ từng lần có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên (giá đã bao gồm thuế GTGT) khi thanh toán phải có chứng từ thanh toán không đúng tiền mặt.

   Chứng từ thanh toán không đúng tiền mặt thực hiện theo quy định của các văn bản pháp luật về thuế giá trị gia tăng...

2. Các khoản chi không được trừ khi xác định thuế nhập khẩu bao gồm:

2.6. Chi tiền lương, tiền công, tiền thưởng cho người lao động thuộc một trong các trường hợp sau:
   a) Chi tiền lương, tiền công và các khoản phải trả khác cho người lao động doanh nghiệp đã hoạt động vốn, chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế không chi trả hoặc không cung ứng từ thanh toán theo quy định của pháp luật.
   b) Các khoản tiền lương, tiền thưởng, chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động không được ghi cụ thể điều kiện được hưởng và mức được hưởng tại một trong các hồ sơ sau: Họp động lao động; Thảo ước lao động tập thể; Quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty, Tập đoàn; Quy chế thưởng do Chủ tịch HĐND quan trvised; Tổng giám đốc, Giám đốc quy định theo quy chế tài chính của Công ty, Tổng công ty.
2.30. Các khoản chi không tương ứng với doanh thu tính thuế, trừ các khoản chi sau:

- Khoản chi có tính chất phúc lợi chỉ trực tiếp cho người lao động như: chi đâm hiếu, tỷ của bàn thân và gia đình người lao động; chi nghỉ mát, chi hỗ trợ điều trị; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập; chi sở đa tạo; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ốm đau, ốm nặng; chi hỏi thương con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại, nghỉ ngơi, tết cho người lao động; chi bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tử nguyệt khác cho người lao động (trừ khoản chi mua bảo hiểm nhân thọ cho người lao động hưởng dẫn tại điểm 2.6.1; bảo hiểm hưu trí tư nguyệt cho người lao động hưởng dẫn tại điểm 2.11 Điều này) và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác. Tổng số chi có tính chất phúc lợi này trên không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp.

Việc xác định 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp được xác định bằng quỹ tiền lương thực hiện trong năm chia (-) 12 tháng. Trường hợp doanh nghiệp hoạt động không đủ 12 tháng thì: Việc xác định 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế được xác định bằng quỹ tiền lương thực hiện trong năm chia (-) số tháng thực tế hoạt động trong năm.

Quỹ tiền lương thực hiện là tổng số tiền lương thực tế đã chi trả của năm quyet toán do deposits thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ quyết toán theo quy định (không bao gồm số tiền tích lũy quỹ dự phòng tiền lương của năm trước chì trong năm quyết toán thuế).

Căn cứ quy định trên, về nguyên tắc, trường hợp Chi nhánh Công ty TNHH Doanh nghiệp Đô Thành có phát sinh khoản chi phúc lợi chỉ trực tiếp cho người lao động neu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính như trên, có đầy đủ chứng từ thanh toán theo quy định, mức chi theo đúng quy chế, quy định của Công ty và tổng số chi không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế thì được tính vào chi phi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế nhà nản doanh nghiệp trong kỳ.

Đề nghị Cục Thuế thành phố Hà Nội căn cứ quy định của pháp luật, tính hình thực tế của doanh nghiệp đề hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện theo đúng quy định của pháp luật thuế./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Công thông tin điện tử Chính phủ;
- Vụ Đối mới doanh nghiệp – VPCP;
- Phòng TM&CN Việt Nam (VCCI);
- Văn phòng Bộ (để b/cảo);
- PTCTr Cao Anh Tuấn (để b/c);  
- Cục Thuế thành phố Hà Nội;
- Vụ PC (TCT);
- Website TCT;
- Lưu: VT, CS (3b).14

TL. TỘNG CỤ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH
Lưu Đức Huy
BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 633 /TCT-CS

V/v trả lời chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2019

Kính gửi: Ông Đồng Thế Mạnh

(27 Nguyễn Văn Dũng, P.6, Q.3, TP. Hồ Chí Minh)

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 1268/VPCP-DMDN ngày 15/2/2019 của Văn phòng Chính phủ kèm theo bản sao kiến nghị của ông Đồng Thế Mạnh về việc kiểm tra quyết toán khi giải thể công ty. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Tài Điều 16 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của BỘ Tài chính sửa đổi Điều 12, Thông tư số 156/2013/TT-BTC về khai thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

"Điều 16. Sửa đổi Điều 12, Thông tư số 156/2013/TT-BTC như sau:

2. Khai thuế thu nhập doanh nghiệp là khai theo từng lần phát sinh, khai quyết toán năm hoặc khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc doanh nghiệp thực hiện chia; nộp phạt; sắp nháp; chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; giải thể; chấm dứt hoạt động...

..."  

8. Kiểm tra quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp thực hiện chia; nộp phạt; sắp nháp; chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; giải thể; chấm dứt hoạt động.

8.1. Cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra quyết toán thuế của doanh nghiệp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được các tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc quyết toán nghĩa vụ thuế từ người nộp thuế trong trường hợp chia, nộp phạt, sắp nháp, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, giải thể, chấm dứt hoạt động trừ các trường hợp quy định tại điểm 8.2 Khoản này.

8.2. Các trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động cơ quan thuế không phải thực hiện quyết toán thuế:

a) Doanh nghiệp, tổ chức thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện giải thể, chấm dứt hoạt động.

b) Doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động nhưng kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến thời...
điểm giải thể, chăm dặt hoạt động, doanh nghiệp không phát sinh doanh thu, chưa sử dụng hóa đơn.

c) Doanh nghiệp thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kế khai thủy hiện giải thể, chăm dặt hoạt động, néu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Có doanh thu bình quân năm (tính từ năm chưa được quyết toán hoặc thanh tra, kiểm tra thuế đến thời điểm doanh nghiệp giải thể, chăm dặt hoạt động) không quá 1 tỷ đồng/năm.

- Kể từ năm doanh nghiệp chưa được quyết toán hoặc thanh tra, kiểm tra thuế đến thời điểm giải thể, chăm dặt hoạt động hoạt động cào hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp新区 tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tính từ năm chưa được quyết toán hoặc thanh tra, kiểm tra thuế đến thời điểm giải thể, chăm dặt hoạt động cần hỗ trợ số thuế thu nhập doanh nghiệp nếu tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ.

Đối với các trường hợp nếu tại điều a, b, c điểm này, chậm nhất 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do người nộp thuế gửi (bao gồm quyết định giải thể, chăm dặt hoạt động; các tài liệu chứng minh người nộp thuế thuộc các trường hợp nếu trên và đã nộp đủ số thuế phải nộp nếu có) thì cơ quan thuế xác nhận việc doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ thuế.

8.3. Đối với trường hợp doanh nghiệp giải thể, chăm dặt hoạt động không thuộc các trường hợp nếu tại điều 8.2 Điều này, cần cựu nhân thực tế cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế đặt hàng và sử dụng kết quả kiểm tra quyết toán thuế của các công ty kiểm toán độc lập, tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo quy định tại Điều 18 Thông tư này'

Đề nghị Công ty TNHH Thời Trang Ha Thy cần cụ quy định nếu trên, tình hình thực tế hoạt động của doanh nghiệp và liên hệ với cơ quan thuế trực tiếp quản lý để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Công tổng tin điện tử Chính phủ;
- Vũ Đôi mới doanh nghiệp – VPCP;
- Phòng TM&CN Việt Nam (VCCT);
- Văn phòng Bộ (để b/cáo);
- PCCTR Cao Anh Tuấn (để b/c);
- Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh;
- Vũ PC (TCT);
- Website TCT;
- Lưu: VT, CS (3b).
Kính gửi: Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Khôi Nguyên
(Số 27b ngõ 27, Cát Linh, phường Cát Linh, Đông Da, Hà Nội)

Trả lời câu hỏi của doanh nghiệp trên Tổng thống tìn điện tử của Chính phủ (theo đề nghị của Văn phòng Chính phủ tại văn bản số 937/VPCP-DMDN ngày 31/01/2019 về việc kiến nghị của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Khôi Nguyên); Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

Việc xem xét chi tiết các nội dung quyết toán dự án thuộc trách nhiệm của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án trên cơ sở hồ sơ thực tế của dự án do chủ đầu tư cung cấp và quy định của pháp luật tại thời điểm thực hiện. Trên cơ sở thông tin của Công ty gửi đến, Bộ Tài chính trả lời về nguyên tắc thực hiện quyết toán dự án hoàn thành và trách nhiệm của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán làm cơ sở thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành như sau:

1. Về quyết toán hợp đồng xây dựng, từ vấn đề hình thức hợp đồng trong gói:
   (1). Quy định về nguyên tắc ký kết và hiệu lực hợp đồng xây dựng tại Luật Xây dựng:
   - Tài khoản 2 Điều 138 quy định nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng, trong đó điểm a quy định như sau: "Từ nguyên văn, hình dạng, hợp tác, không trái pháp luật và được mức xả Ánh.”
   - Tài khoản 1 Điều 139 quy định hợp đồng xây dựng có hiệu lực khi đáp ứng đủ các điều kiện, trong đó điểm b quy định như sau: “Bảo đảm các nguyên tắc ký kết hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 138 của Luật này.”

   (2). Tài Điểm a và d khoản 1 Điều 62 Luật Đầu tư quan điểm về hợp đồng tron gói như sau:

   "a) Hợp đồng tron gói là hợp đồng có giá con định trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng. Việc thanh toán đối với hợp đồng tron gói được thực hiện nhiều lần trong quá trình thực hiện hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành hợp đồng. Tổng số tiền mà nhà thầu được thanh toán chia thành hợp đồng khi hoàn thành các nhiệm vụ Theo hợp đồng bằng đúng giá ghi trong hợp đồng;"
d) Đối với gói đầu xây lắp, trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, các bên liên quan cần rà soát lại bảng khối lượng công việc theo thiết kế được duyệt; nếu nhà đầu hoặc bên mới thâu phát hiện bảng số lượng, khối lượng công việc chưa chính xác so với thiết kế, bên mới thâu báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc điều chỉnh khối lượng công việc để bảo đảm phù hợp với thiết kế.

(3). Theo Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng:

- Tài điểm a, khoản 3, Điều 6 quy định "hợp đồng xây dựng có hiệu lực là cơ sở pháp lý cao nhất mà Bên giao thầu, Bên nhận thầu và các Bên liên quan có nghĩa vụ thực hiện.

- Tài điểm a khoản 3 Điều 15 quy định: "Giá hợp đồng trọn gói là giá hợp đồng không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng đối với khối lượng các công việc thuộc phạm vi hợp đồng đã ký kết, trừ trường hợp bắt khả khả kháng và thay đổi phạm vi công việc phải thực hiện.

- Tài điểm a khoản 5 Điều 15 quy định: "... Khi áp dụng giá hợp đồng trọn gói thì giá gói thầu, giá hợp đồng phải tính toán đầy đủ các yếu tố rủi ro liên quan đến giá hợp đồng như rủi ro về khối lượng, rủi ro trong thời gian thực hiện hợp đồng và mối bên phải tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro của mình.

(4). Theo Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước (sau đấy viết tắt là Thông tư số 09) và Thông tư số 64/2018/TT-BTC ngày 30/7/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09 (sau đấy viết tắt là Thông tư số 64):

- Tài điểm a khoản 1 Điều 15 Thông tư số 09 quy định về nguyên tắc thẩm tra như sau:

  "Thẩm tra tính tuần thủ các quy định về hợp đồng xây dựng có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hợp đồng và quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của cấp có thẩm quyền; việc thẩm tra quyết toán căn cứ vào hình thức giá hợp đồng ghi trong từng hợp đồng xây dựng (không phân biệt hình thức lựa chọn nhà thầu). Trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm tra quyết toán kiểm tra hồ sơ hoàn công để xác định khối lượng công việc hoàn thành được nghiệm thu đúng quy định.

- Tài điểm b khoản 3 Điều 15 Thông tư số 09 quy định việc thẩm tra quyết toán đối với gói thầu xây lắp hợp đồng theo hình thức giá hợp đồng trọn gói như sau:
thành và các yêu cầu của hợp đồng để xác định khối lượng công việc hoàn thành đã được nghiệm thu đúng quy định;

- Đối chiếu đơn giả trong bảng tính giá trị đề nghị quyết toán A-B với đơn giả ghi trong bảng tính giá trị hợp đồng; khi nhà đầu thực hiện đầy đủ các yêu cầu, nội dung công việc, đúng khối lượng công việc hoàn thành và đơn giả ghi trong hợp đồng, bảng tính giả hợp đồng; thì giá trị quyết toán đúng bảng giá trị đơn gởi của hợp đồng đã ký. Không chất tịnh tại khối lượng cũng như đơn giả chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quyết định trúng thầu.

- Tài điểm a khoản 6 Điều 15 Thông tư số 09 quy định như sau: "Đối với các khoản chi phí tư vản và chi phí khác tính theo định mức tỷ lệ %; kiểm tra các điều kiện quyết định trong việc áp dụng định mức tỷ lệ % để xác định giá trị chi phí từ từng loại công việc."

- Tài điểm b khoản 7 Điều 1 Thông tư số 64 bổ sung điểm d khoản 6 Điều 15 Thông tư số 09 như sau: "Đối với các khoản chi phí tư vản, chi phí phát sinh trong thực hiện hợp đồng trọn gói, giá trị hợp đồng theo đơn giả có định; giá trị hợp đồng theo đơn giả điều chỉnh, giá trị hợp đồng kế hợp: thẩm tra áp dụng theo quyết định thẩm tra chi phí phát sinh đối với gói thủ hợp đồng theo hình thức hợp đồng trọn gói, giá trị hợp đồng theo đơn giả có định, giá trị hợp đồng theo đơn giả điều chỉnh, giá trị hợp đồng kết hợp tại khoản 3 Điều 15 Thông tư này."

- Tài khoản 12 Điều 1 Thông tư số 64 sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 5 Điều 26 Thông tư số 09 quy định trách nhiệm của cơ quan thẩm tra, phê duyệt quyết toán: "To chức thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành để đủ nội dung, yêu cầu theo quyết định; hướng dẫn chi đầu tư giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình quyết toán dự án hoàn thành; chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực thẩm tra trên cơ sở hồ sơ quyết toán do chủ đầu tư cung cấp và yêu cầu cung cấp bổ sung."

Cơ quan thẩm tra quyết toán có trách nhiệm tổ chức thẩm tra báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, báo cáo Nguời phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Do đó, quá trình thẩm tra quyết toán, trường hợp cơ quan thẩm tra quyết toán phát hiện các nội dung chưa phù hợp với quyết định của pháp luật thì báo cáo Nguời phê duyệt quyết toán xem xét, quyết định.

2. Về chi phí kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

Đối với các hợp đồng kiểm toán đã ký kết trước ngày 15/9/2018 (ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư số 64/2018/TT-BTC, chi phí kiểm toán thực hiện theo hợp đồng đã ký kết trên cơ sở tính chi phí theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BTC.

Đối với các hợp đồng kiểm toán ký kết từ ngày 15/9/2018. Việc kiểm toán
Bộ Tài chính trả lời để Quy Công ty biết và thực hiện theo đúng quy định.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- VCCI;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, DT, (MH, 8).

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ ĐẦU TƯ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Lê Tuấn Anh
Kính gửi: Khu quản lý giao thông đô thị số 1 – Sở Giao thông vận tải TP.HCM
(Số 3 đường 3/2 phường 11, quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh)

Trả lời kiến nghị của Khu quản lý giao thông đô thị số 1 về việc quyết toán chi phí hàng mục chung trong hợp đồng trọn gói (theo Phiếu chuyển số 1223/VPCP-DMDN ngày 17/02/2019 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Tài chính có ý kiến như sau:


Bộ Tài chính có ý kiến đề Quỹ đơn vị biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận: /
- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo)
- VPCP;
- Các Bộ: KH&ĐT, XD;
- VCCI;
- Vụ PC;
- Lưu: VT, Vụ DT (12).